

Số: /BC-CĐLC

Lào Cai, ngày tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO
HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG NĂM 2025

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Tên đầy đủ
1	CTĐT	Chương trình đào tạo
2	KĐCL	Kiểm định chất lượng
3	GDDT	Giáo dục và Đào tạo
4	CĐLC	Cao đẳng Lào Cai
5	THCS	Trung học cơ sở
6	THPT	Trung học phổ thông
7	UBND	Ủy ban nhân dân
8	NCKH & HTQT	Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1.1. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Nhà trường tính đến tháng 12/2025 gồm:

- Hội đồng trường: Chủ tịch, thư ký, các thành viên
- Lãnh đạo trường: 01 Hiệu trưởng, 03 Phó Hiệu trưởng
- Các phòng chức năng: 04 phòng (Văn phòng, Quản lý Đào tạo, Tài chính – Kế hoạch, Công tác sinh viên và Quản lý chất lượng).
- Các khoa chuyên môn: 08 khoa (Điện; Công nghệ ô tô và Cơ khí; Kinh tế, Nông lâm và Xây dựng; Khoa học cơ bản; Du lịch; Y - Dược; Văn hóa - Nghệ thuật; Công nghệ thông tin và Ngoại ngữ).
- Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (04 đơn vị): Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe cơ giới đường bộ; Trung tâm Đào tạo và Biểu diễn nghệ thuật; Trung tâm Đào tạo Hán ngữ; Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và an ninh.
- Các Hội đồng tư vấn: Hội đồng Khoa học và Công nghệ; Hội đồng nâng lương, khen thưởng, kỷ luật VC-NLĐ; Hội đồng xét chế độ chính sách, khen thưởng, kỷ luật HSSV; Hội đồng chuyên môn về các hoạt động Quản lý Đào tạo; Các hội đồng tư vấn khác theo quy định của pháp luật.

7. Tổ chức Đảng và các tổ chức hội, đoàn thể gồm:

- Đảng bộ Trường Cao đẳng Lào Cai;
- Các tổ chức đoàn thể: Công đoàn cơ sở Trường Cao đẳng Lào Cai; Hội Chữ thập đỏ Trường Cao đẳng Lào Cai; Hội Khuyến học Trường Cao đẳng Lào Cai; Hội Cựu chiến binh Trường Cao đẳng Lào Cai; Hội Sinh viên Việt Nam Trường Cao đẳng Lào Cai; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

8. Ban hoạt động kiêm nhiệm: Ban Truyền thông

Quy chế tổ chức và hoạt động: Thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lào Cai ban hành theo Quyết định 916/QĐ-CDLC ngày 16/05/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lào Cai.

3.2. Nhân sự

Tổng số viên chức, giảng viên, nhân viên hiện tại của Nhà trường: 358 người, trong đó viên chức: 284 người; hợp đồng Nghị định 111/NĐ-CP: 74 người.

*** Về viên chức quản lý**

- Tổng cộng có: 56 người (Lãnh đạo trường: 04 người, lãnh đạo các phòng, khoa, trung tâm: 52 người).

- Về chất lượng đội ngũ viên chức quản lý:

+ Trình độ chuyên môn: 100% có trình độ Đại học trở lên (Tiến sĩ: 02; CK2: 01; Chuyên khoa 1: 02; Thạc sĩ 35, Đại học 18).

+ Về trình lý luận chính trị: Cử nhân Chính trị: 02; Cao cấp chính trị: 17 ; Trung cấp chính trị: 36 .

*** Về đội ngũ giảng viên**

Tổng số giảng viên, giáo viên của Trường: 286 nhà giáo. Trong đó có 180 Giáo viên, giảng viên giảng dạy môn học, mô đun chuyên môn của ngành, nghề trình độ trung cấp, cao đẳng; 22 giáo viên văn hóa; 53 giáo viên dạy lái xe ô tô và sơ cấp; 31 giảng viên dạy bộ môn chung.

Thống kê trình độ nhà giáo giảng dạy môn học, mô đun chuyên môn của ngành, nghề trình độ trung cấp, cao đẳng như sau:

- Về Nghiệp vụ sư phạm: 180/180 (100%) nhà giáo đạt chuẩn về nghiệp vụ sư phạm.

- Về trình độ tin học: 180/180 (100%) nhà giáo đạt chuẩn về trình độ CNTT quy định tại Thông tư số 05/2024/TT -BLĐTBXH

- Về trình độ ngoại ngữ: số lượng nhà giáo có trình độ ngoại ngữ bậc 3 và tương đương trở lên: 112/180 người, đạt 62,22%;

2. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

2.1. Các ngành đào tạo và quy mô tuyển sinh

Hiện nay, trường Cao đẳng Lào Cai được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ LĐTBXH cấp phép đào tạo 81 nghề (gồm 25 mã ngành nghề trình độ cao đẳng, 29 mã ngành nghề trình độ trung cấp, 27 nghề trình độ sơ cấp) tập trung ở 09 lĩnh vực ngành nghề sau:

- *Lĩnh vực Công nghệ và Kỹ thuật*: gồm các nghề Công nghệ ô tô, Hàn, Sửa chữa thiết bị cơ khí nhỏ nông thôn; Điện dân dụng, Điện công nghiệp, Vận hành nhà máy thủy điện, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Cơ điện nông thôn, Điện tử dân dụng, Sửa chữa thiết bị điện lạnh, Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp, Điện công nghiệp và dân dụng.

- *Lĩnh vực Kiến trúc và xây dựng*: gồm các nghề Kỹ thuật xây dựng, Cốt thép - Hàn; Điện-nước, Lắp đặt điện-nước

- *Lĩnh vực Lâm nông nghiệp và thủy sản*: gồm các nghề Khuyến nông lâm, Trồng trọt, Chăn nuôi gia súc gia cầm, Thú y, Chăn nuôi - thú y, Nông nghiệp công nghệ cao, Kỹ thuật trồng rau công nghệ cao; Chăn nuôi gia súc, gia cầm, Thú y cơ sở,

- *Lĩnh vực Y - Dược*: gồm các nghề Điều dưỡng, Dược sỹ trung cấp, Nhân viên y tế thôn bản, Cô đỡ thôn bản, Xoa bóp bấm huyệt, dưỡng sinh.

- *Lĩnh vực Du lịch, khách sạn*: gồm các nghề Hướng dẫn du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn, Quản trị khách sạn, Nghiệp vụ buồng, Nghiệp vụ Lễ tân, Nghiệp vụ nhà hàng, Kỹ thuật pha chế đồ uống, Kỹ thuật chế biến món ăn;

- *Lĩnh vực Văn hóa - Nghệ thuật*: gồm các nghề Hội họa, Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc, Thanh nhạc, Organ, Biểu diễn nhạc cụ truyền thống, Piano, Diễn viên múa;

- *Lĩnh vực Kế toán, Kinh doanh và quản lý*: gồm các nghề Kế toán; Kế toán doanh nghiệp;

- *Lĩnh vực Tin học - Ngoại ngữ*: gồm các nghề Tin học ứng dụng; Công nghệ thông tin; Ngôn ngữ nước ngoài (tiếng Trung Quốc, tiếng Anh...);

- *Lĩnh vực ngôn ngữ*: Ngôn ngữ nước ngoài (tiếng Trung Quốc, tiếng Anh...); Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam.

- Các lĩnh vực khác: Phun xăm thẩm mỹ; Chăm sóc da; May công nghiệp.

TT	Ngành	Mã nghề	Quy mô cấp phép
	Tổng		4.135
I	Cao đẳng		1.310
1	Công nghệ ô tô	6510216	120
2	Hàn	6520123	25
3	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp	6520201	40
4	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	6520205	40
5	Điện công nghiệp	6520227	90
6	Vận hành nhà máy thủy điện	6520246	100

TT	Ngành	Mã nghề	Quy mô cấp phép
7	Kỹ thuật xây dựng	6580201	30
8	Khuyến nông lâm	6620122	60
9	Nông nghiệp công nghệ cao	6620131	30
10	Thú y	6640101	25
11	Hướng dẫn du lịch	6810103	40
12	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	6810101	90
13	Quản trị khách sạn	6810201	35
14	Hội hoạ	6210103	20
15	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	6210216	20
16	Thanh nhạc	6210225	20
17	Piano	6210221	20
18	Diễn viên múa	6210213	15
19	Kế toán	6340301	70
20	Công nghệ thông tin (UDPM)	6480202	75
21	Tiếng Anh	6220206	40
22	Tiếng Trung Quốc	6220209	100
23	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam	6220101	35
24	Dược	6720201	30
25	Điều dưỡng	6720301	140
II	Trung cấp		1.465
1	Công nghệ ô tô	5510216	100
2	Hàn	5520123	70
3	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp	5520201	40
4	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	5520205	50
5	Điện dân dụng	5520226	60
6	Điện công nghiệp	5520227	90
7	Vận hành nhà máy thủy điện	5520246	30

TT	Ngành	Mã nghề	Quy mô cấp phép
8	Điện công nghiệp và dân dụng	5520223	40
9	Kỹ thuật xây dựng	5580201	90
10	Cốt thép - Hàn	5580208	90
11	Điện-nước	5580212	40
12	Khuyến nông lâm	5620122	35
13	Trồng trọt	5620110	10
14	Chăn nuôi - Thú y	5620120	10
15	Nông nghiệp công nghệ cao	5620131	35
16	Thú y	5640101	60
17	Hướng dẫn du lịch	5810103	120
18	Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn	5810205	150
19	Kỹ thuật chế biến món ăn	5810207	35
20	Hội họa	5210103	10
21	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc	5210207	10
22	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	5210216	10
23	Organ	5210224	10
24	Thanh nhạc	5210225	10
25	Kế toán doanh nghiệp	5340302	75
26	Tin học ứng dụng	5480205	15
27	Tiếng Trung Quốc	5220209	60
28	Dược	5720201	80
29	Điều dưỡng	5720301	30
III	Sơ cấp		1.360
1	Công nghệ ô tô		25
2	Sửa chữa thiết bị cơ khí nhỏ nông thôn		35
3	Hàn hồ quang tay		25
4	Hàn TIG, MIG, MAG		25

TT	Ngành	Mã nghề	Quy mô cấp phép
5	Điện dân dụng		35
6	Điện công nghiệp		25
7	Vận hành nhà máy thủy điện		60
8	Điện tử dân dụng		35
9	Sửa chữa thiết bị điện lạnh		35
10	Kỹ thuật xây dựng		25
11	Lắp đặt điện - Nước		70
12	Khuyến nông lâm		25
13	Chăn nuôi gia súc, gia cầm		25
14	Kỹ thuật trồng rau công nghệ cao		35
15	Thú y cơ sở		35
16	Du lịch cộng đồng		110
17	Nghiệp vụ lễ tân		35
18	Nghiệp vụ nhà hàng		70
19	Nghiệp vụ pha chế đồ uống		70
20	Kỹ thuật chế biến món ăn		35
21	Nghiệp vụ buồng		70
22	Nhân viên y tế thôn bản		120
23	Cô đỡ thôn bản		50
24	Xoa bóp bấm huyệt, dưỡng sinh		70
25	Phun xăm thẩm mỹ		70
26	Chăm sóc da		70
27	May công nghiệp		75

3. Đơn vị phụ trách về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng

- Đơn vị phụ trách: Phòng Công tác sinh viên và Quản lý chất lượng
- Số lượng cán bộ: 18 người
- Nhiệm vụ: Thực hiện công tác Thanh tra, pháp chế; kiểm định chất lượng; Công tác HSSV
- Địa chỉ email: thanhtralcc@gmail.com

II. BÁO CÁO XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

1. Tổng quan về hệ thống bảo đảm chất lượng đang vận hành

a) Đặt vấn đề

Trong những năm qua, cùng với hoạt động kiểm định chất lượng thì việc xây dựng hệ thống BDCL trong các trường nghề là nền tảng quan trọng trong việc bảo đảm và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần hình thành “văn hóa chất lượng” trong nhà trường, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường. Đây cũng là yếu tố quan trọng để khẳng định chất lượng thực sự của trường nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm định và BDCL.

Do tầm quan trọng của công tác BDCL, vì vậy trường Cao đẳng Lào Cai ngay từ đầu đã quan tâm đến công tác Bảo đảm chất lượng, Nhà trường coi đây là cơ hội để tiếp cận với mô hình quản lý hiện đại đồng thời cũng là để đạt được mục tiêu của Nhà trường đặt ra là đến năm 2025, trường Cao đẳng Lào Cai sẽ trở thành trường chất lượng cao.

Để công tác Bảo đảm chất lượng đạt kết quả cao đòi hỏi phải có sự gắn kết, sự tham gia của tất cả các thành viên trong trường và giúp Nhà trường giải quyết các vấn đề quản lý một cách đồng bộ, khoa học, luôn cập nhật và không ngừng cải tiến đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

b) Thông tin về xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

b1) Căn cứ xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng.

- Luật Giáo dục nghề nghiệp: quy định trách nhiệm của CSGDNN là “CSGDNN tự chủ trong các hoạt động thuộc các lĩnh vực Nhà trường và nhân sự, tài chính và tài sản, đào tạo và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định của pháp luật; có trách nhiệm giải trình trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người học và xã hội về Nhà trường, quản lý hoạt động và chất lượng đào tạo của mình”;

- Nghị định 48/2015/NĐ-CP, ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp;

- Quyết định 145/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược hội nhập quốc tế về lao động và xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

b2) Mục đích xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Tạo lập bộ khung pháp lý của nhà trường với một hệ thống quy trình, quy phạm chặt chẽ; kiểm soát được chất lượng đào tạo, đảm bảo cung cấp sản phẩm đào tạo có chất lượng ổn định, đáp ứng tốt yêu cầu của người học, doanh nghiệp và toàn xã hội; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý trong nhà trường;

- Tiết kiệm các nguồn lực, giảm thiểu các chi phí, giảm bớt các sai sót trong hoạt động đào tạo; Phát triển thương hiệu của nhà trường, mở rộng quy mô đào tạo, tăng cường bền vững các nguồn lực cho nhà trường;

- Phân định rõ trách nhiệm quyền hạn của từng cán bộ, giảng viên (CBGV); nâng cao ý thức trách nhiệm, tác phong và nề nếp trong công việc; nâng cao tính chuyên nghiệp cho đội ngũ CBGV, gia tăng hiệu suất lao động khi thực hiện theo quy trình được chuẩn hoá;

- Giảm tải cho các nhà quản lý, tạo cơ sở cho hoạt động quản lý một cách khoa học; Thuận lợi trong việc thực hiện các hoạt động cung cấp thông tin, lập các báo cáo liên quan trong quá trình điều hành, quản lý và chỉ đạo;

- Tạo lập sự tin tưởng, sự hợp tác gắn bó của người học, doanh nghiệp và xã hội, củng cố và mở rộng thị trường sử dụng lao động được đào tạo; Nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh của Trường trong lĩnh vực đào tạo.

Xây dựng hệ thống tài liệu đảm bảo chất lượng trong Nhà trường là cơ sở hoàn thiện các nội dung thuộc hệ thống bảo đảm chất lượng trước khi vận hành hệ thống trong Nhà trường nhằm duy trì, cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và đạt được mục tiêu đề ra.

b3) Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

1. Tuân thủ các quy định hiện hành, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đào tạo và thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong từng giai đoạn.

2. Nhấn mạnh vai trò của người quản lý, gắn kết với quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và lấy người học làm trung tâm.

3. Huy động sự tham gia của tất cả cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người học.

4. Tiếp cận theo quá trình, đảm bảo tính hệ thống, gắn kết với tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý.

5. Phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, dễ vận hành; liên tục cải tiến, đơn giản hóa các thủ tục bảo đảm chất lượng và đảm bảo khoa học, hiệu quả, tiết kiệm.

b4) Cách thức xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

1. Công tác chuẩn bị: Hoàn thiện tổ chức và nhân sự; Đánh giá thực trạng bộ máy, nhân sự và các điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Lập kế hoạch xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng; Tổ chức hướng dẫn về xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng cho cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên.

2. Xây dựng hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng.

3. Thiết lập hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng.

4. Phê duyệt và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng.

5. Đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng.

c) Chính sách chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Lãnh đạo, viên chức, nhà giáo Trường Cao đẳng Lào Cai cam kết:

Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng, đổi mới công tác quản lý và đào tạo, mở rộng quan hệ hợp tác với các đơn vị/doanh nghiệp, nâng cao năng lực

đội ngũ đáp ứng sự hài lòng của khách hàng với phương châm “*Nhân văn - Kỹ thuật - Hội nhập*”.

d) Mục tiêu chất lượng của trường Cao đẳng Lào Cai năm 2025

Mục tiêu tổng quát: *Xây dựng Trường Cao đẳng Lào Cai vững mạnh toàn diện, nâng cao năng lực bộ máy quản lý, tạo bước chuyển biến về chất lượng đào tạo, hoàn thiện các điều kiện trường trở thành trường chất lượng cao năm 2025.*

Mục tiêu cụ thể:

1. Hoàn thành 90% tổng chỉ tiêu tuyển sinh trung cấp, cao đẳng theo quy mô cấp phép đạt chuẩn đầu vào của nhà trường.
2. Hợp tác với doanh nghiệp để thực hiện 1 (một) đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng thực tiễn hoặc chuyển giao công nghệ.
3. Khu vực thực hành tại trường được sắp xếp theo 3 cấp độ đối với ít nhất 30% ngành, nghề trình độ trung cấp, cao đẳng đang có người học
4. Trường có hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến và bảo đảm các điều kiện cho đào tạo trực tuyến đối với ít nhất 30% môn học, mô đun của ngành, nghề đào tạo.
5. Xây dựng, ban hành và thực hiện quy định tiêu chuẩn trường học Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn - Hạnh phúc
6. Trang thông tin điện tử của trường được thể hiện ít nhất bằng 2 (hai) ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, có đầy đủ 100% các nội dung gồm: cam kết chất lượng đào tạo và chất lượng đào tạo thực tế; điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; thu chi tài chính theo Công văn số 503/CĐLC-TTKT ngày 31/10/2024 của Trường Cao đẳng Lào Cai.
7. Hoàn thành sắp xếp tổ chức bộ máy nhân sự các đơn vị của Trường tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
8. Trường đạt Trường cao đẳng chất lượng cao

đ) Danh mục các lĩnh vực quản lý chất lượng thực hiện được xây dựng và vận hành

- Tổ chức quản lý;
- Chương trình, giáo trình;
- Tuyển sinh;
- Kiểm tra, thi, xét, công nhận tốt nghiệp;
- Đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ;
- Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện;
- Tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý;
- Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ;
- Quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; quản lý xưởng;
- Khảo sát các đối tượng liên quan đến chất lượng;
- Liên kết, hợp tác với doanh nghiệp;
- Chế độ chính sách viên chức, nhà giáo, HSSV.

e) Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng

- Đơn vị chủ trì công tác Bảo đảm chất lượng: Phòng Công tác sinh viên và Quản lý chất lượng.

- Nhân sự: 18 người

- Số lượng người phụ trách công tác Bảo đảm chất lượng: 03 người.

- Thực trạng hạ tầng thông tin của cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

Để công tác bảo đảm chất lượng được hoạt động có hiệu quả, Nhà trường đã trang bị hạ tầng thông tin đáp ứng yêu cầu tối thiểu của công tác bảo đảm chất lượng bao gồm:

+ 01 máy chủ

+ 20 máy ghi âm

+ Phần mềm ngân hàng đề thi

+ Phần mềm quản lý thông tin, minh chứng

+ 01 máy hủy tài liệu

+ 01 bộ hệ thống camera giám sát phòng thi (3 phòng thi)

+ 01 máy photo copy.

+ 02 máy tính có cấu hình cao.

2.2. Đánh giá, cải tiến**a) Đánh giá**

a1) Tổng số đợt đánh giá: 01

a2) Tổng số đơn vị thuộc trường thực hiện tự đánh giá: 16

b) Cải tiến

b1) Nội dung của từng lĩnh vực quản lý chất lượng được chỉnh sửa, bổ sung cải tiến

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số nội dung đang vận hành	12	
Số lượng nội dung thực hiện chỉnh sửa	12	
Số lượng nội dung được bổ sung	0	
Số lượng nội dung loại bỏ	6	

b2) Các quy trình, công cụ bảo đảm chất, lượng được cải tiến

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số quy trình, công cụ đang vận hành	90	
Số lượng quy trình, công cụ thực hiện chỉnh sửa	90	
Số lượng quy trình, công cụ được bổ sung	0	
Số lượng quy trình, công cụ loại bỏ	20	

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**1. Ưu điểm**

- Nhà trường đã lập kế hoạch xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng; Tổ chức hướng dẫn về xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng cho cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên; xây dựng và ban hành chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng. Thực hiện đánh giá, cải tiến quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng thuộc các lĩnh vực nhằm đảm bảo quy trình phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường, dễ vận hành, đơn giản hóa các thủ tục bảo đảm chất lượng và đảm bảo khoa học, hiệu quả, tiết kiệm.

- Việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo Nhà trường đã thường xuyên chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt công tác BĐCL góp phần cải tiến và nâng cao công tác quản lý, kiểm soát các mặt công tác của trường.

2. Tồn tại, hạn chế

- Một số đơn vị chưa đạt tỷ lệ MTCL theo kế hoạch đề ra.
- Kết quả tuyển sinh năm 2025 còn thấp so với chỉ tiêu giao, chỉ đạt 65,9%.
- Công tác tổ chức hoặc phối hợp tổ chức Ngày hội việc làm cho người học còn chưa hiệu quả.
- Giáo trình giảng dạy đa số các ngành nghề chưa được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự thay đổi của chương trình đào tạo.
- Tỷ lệ HSSV bỏ học ở các lớp tốt nghiệp trong năm còn ở mức tương đối cao (31,6%) được xác định trên cơ sở so sánh giữa quy mô tuyển sinh đầu vào và số lượng HSSV hoàn thành khoá học.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Còn một số đơn vị chưa bám sát hệ thống ĐBCL để vận hành hiệu quả vào công việc chuyên môn, chưa thực sự chủ động trong việc triển khai và thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch ban hành còn dễ chậm so với kế hoạch, tiến độ đề ra

Công tác liên kết, hợp tác với doanh nghiệp trong tư vấn, định hướng nghề nghiệp và hỗ trợ việc làm cho người học chưa được triển khai thường xuyên.

Kết quả tuyển sinh năm 2025 chưa đạt chỉ tiêu (65,9%) do tác động của xu hướng lựa chọn ngành nghề của người học, đặc biệt đối với các ngành nghề đặc thù (như: Thú y, Trồng trọt, Xây dựng,) gặp khó khăn trong việc tuyển sinh; bên cạnh đó, việc cấp phép hoạt động bị muộn đã ảnh hưởng đến tiến độ triển khai tuyển sinh.

Việc phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm và gia đình trong quản lý người học chưa thật sự chặt chẽ đồng thời ở một số ngành nghề, nội dung đào tạo giữa lý thuyết và thực hành chưa cân đối, góp phần làm gia tăng tỷ lệ học sinh, sinh viên bỏ học.

IV. Đề xuất - Kiến nghị

1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với lĩnh vực GDNN; đẩy mạnh truyền thông về GDNN nhằm nâng cao nhận thức xã hội, thu hút người học.

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy định về đảm bảo chất lượng, các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN, CTĐ, bảo đảm thống nhất và phù hợp thực tiễn

- Ban hành bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá, công nhận các ngành nghề đạt chuẩn Quốc gia, Khu vực, Quốc tế theo từng cấp độ đầu tư; chương trình đào tạo chất lượng cao; đồng thời có hướng dẫn các cơ sở GDNN đầu tư, tăng cường năng lực đào tạo, bổ sung trang thiết bị cho các ngành nghề trọng điểm, các chương trình đào tạo chất lượng cao.

- Tạo cơ chế, chính sách thuận lợi để các cơ sở GDNN được hợp tác quốc tế, chuyển giao chương trình đào tạo tiên tiến từ nước ngoài.

2. Đối với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh.

- Ban hành cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển giáo dục nghề nghiệp của tỉnh. Bổ sung biên chế và cho phép tuyển dụng giảng viên có tay nghề cao nhằm đáp ứng quy mô đào tạo; có chính sách thu hút chuyên gia, nghệ nhân và khuyến khích giảng viên nâng cao trình độ.

- Hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo đồng bộ theo yêu cầu của từng ngành nghề.

- Ban hành cơ chế, chính sách riêng của tỉnh nhằm thúc đẩy liên kết giữa Nhà trường với doanh nghiệp trên địa bàn trong đào tạo, thực tập, giải quyết việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp cho HSSV.

3. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tham mưu với UBND tỉnh trong việc ban hành cơ chế, chính sách cho phát triển giáo dục nghề nghiệp của tỉnh.

- Phối hợp cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tư vấn giới thiệu việc làm cho người học sau tốt nghiệp.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục phổ thông tăng cường công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh; phối hợp các cơ sở GDNN trong hoạt động tư vấn, tuyển sinh; kết nối chia sẻ dữ liệu học sinh phục vụ định hướng nghề nghiệp.

Trên đây là Báo cáo hệ thống BDCL trường Cao đẳng Lào Cai năm 2025; Trường Cao đẳng Lào Cai trân trọng báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cơ quan có liên quan được biết, tiếp tục quan tâm, hỗ trợ, tạo điều kiện để Nhà trường phát triển trong thời gian tới./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Lào Cai (b/c);
- Cục GDNN&GDTX (b/c);
- Sở GD&ĐT Lào Cai (b/c);
- Hội đồng trường (b/c);
- Lãnh đạo trường (b/c);
- Các phòng, khoa, trung tâm (t/h);
- Website Trường (công khai);
- Lưu: VT, CTSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Đức Bình